

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

THỐNG KÊ DIỆN TÍCH PHÒNG LÀM VIỆC CÁC ĐƠN VỊ

STT	Tên đơn vị	Số phòng làm việc	Tên phòng	Diện tích sử dụng trong phòng làm việc
1	Phòng CTCTSV	3	A	85
2	TTDV	2	A	92
3	Phòng Bảo vệ	3	A	37
4	Ban QLDA	4	A	68
5	TT PT, TN CNC	1	E	44
6	Phòng ĐBCLGD	3	F	298
7	Phòng QHCC&DN	2	F	116
8	VP Đoàn TN	2	F	62
9	Phòng HCTH	3		130
10	Phòng làm việc BGH	4		258
11	TTTT-TV	3		143
12	Phòng CSVC	3		153
13	Phòng ĐTĐH	4		179
14	Phòng ĐTSĐH	3		93
15	VP Công đoàn	2		61
16	VP Đảng ủy	1		20
17	Phòng TCCB	2		153
18	Phòng KHCN	1		107
19	Phòng HTQT	1		24
20	Phòng Xuất bản	2		65
21	Phòng KHTC	2		121
22	TT NN-TH	3		113
	Khoa Khoa học và kỹ thuật Địa chất			
23	VPK	1		23
24	Ban CN khoa	1		24
25	BM Tìm kiếm thăm dò	1		36
26	BM ĐCCT	2		84
27	BM khoáng sản	1		49
28	BM Địa chất	1		49
29	BM Nguyên liệu khoáng	1		49
30	BM Địa chất thủy văn	1		57
31	BM Địa chất biển	1		49
32	BM khoáng thạch	1		88
33	VP cựu chiến binh	1		30
	Khoa Mỏ			
34	VPK	1		23
35	Ban CN khoa	1		24
36	BM Sức bền vật liệu	1		40
37	BM Khai thác lộ thiên	3		81
38	BM Khai thác hầm lò	1		49
39	BM Tuyển khoáng	1		57
	Khoa Cơ điện			
40	VPK	1	C606	49

STT	Tên đơn vị	Số phòng làm việc	Tên phòng	Diện tích sử dụng trong phòng làm việc
41	Ban CN khoa	1	C605	35
42	BM Tự động hóa	1	C504	45
43	BM Điện khí hóa	1	C610	50
44	BM Kỹ thuật điện - điện tử	1	C609	112
45	BM Máy và Thiết bị Mỏ	1	C603	46
46	BM kỹ thuật cơ khí	1	C506	49
	Khoa Môi trường			
47	VPK	1	C602	50
48	Ban CN khoa	1		23
49	BM Địa sinh thái và CN môi trường	1	C608	62
50	BM Môi trường cơ sở		F208	50
51	BM kỹ thuật môi trường mỏ	1	F209	69
	Khoa Xây dựng			
52	VPK	1	C607	20
53	Ban CN khoa	1	C609	40
54	BM XD CTN và Mỏ	2	C509	73
55	BM kỹ thuật xây dựng	1	F208	49
56	BM Xây dựng hạ tầng cơ sở	1	F207	49
	Khoa CNTT			
57	VPK	1	C701	80
58	Ban CN khoa	1	C702	40
59	BM CN phần mềm	1	C703	40
60	BM mạng máy tính	1	C705	50
61	BM HT thông tin và Tri thức	1	C706	60
62	BM Tin học địa chất	1	C707	50
63	BM Tin học kinh tế	1	C708	50
64	BM Khoa học máy tính	1	C704	40
65	BM Tin học Trắc địa	1	C710	50
66	PTN Địa tin học	1	C711	20
67	Khoa Giáo dục Quốc phòng	3	C709	80
	Khoa Dầu khí			
68	VPK	1	C805	38
69	Ban CN khoa	1	C804	40
70	BM Địa vật lý	1	C802	80
71	BM Địa chất dầu khí	1	C807	80
72	BM khoan khai thác	1	C806	94
73	BM Lọc hóa dầu	1	C808	80
74	BM Thiết bị DK và CT	1	C803	94
75	Chương trình tiên tiến DK	1		80
	Khoa Trắc địa bản đồ và QL đất đai			
76	VPK	1	C1002	40
77	Ban CN khoa	1	C1001	40
78	BM Bản đồ	1	C1003	40
79	BM Địa chính	1	C1004	50
80	BM Đo ảnh VT	1	C1006	78
81	BM Trắc địa cao cấp	1	C1010	110
82	BM TD Công trình	1	C1005	60
83	BM TD Mỏ	1	C1008	50
84	BM Trắc địa phổ thông và sai số	1	C1007	77

STT	Tên đơn vị	Số phòng làm việc	Tên phòng	Diện tích sử dụng trong phòng làm việc
85	Tổ máy TD	1	B	
	Khoa Khoa học cơ bản			
86	VPK	1	C1103	40
87	Ban CN khoa	1	C1101	24
88	BM Cơ lý thuyết	1	C1104	40
89	BM Hình họa	1	C1105	50
90	BM Hóa	1	C1109	80
91	BM Ngoại ngữ	1	C1107	78
92	BM Toán	1	C1110	100
93	BM vật lý	1	C1106	60
94	BM GDTC	1	C1108	65
	Khoa Kinh tế Quản trị kinh doanh			
95	VPK	1	C1208	30
96	Ban CN khoa	1	C1203	32
97	BM Kinh tế cơ sở	1	C1206	60
98	BM kế toán DN	1	C1207	50
99	BM Quản trị DN ĐCDK	1	C1204	56
100	BM Quản trị DN Mô	1	C1205	50
	Khoa Lý luận chính trị			
101	VPK	1	C1210	40
102	Ban CN khoa	1	C1212	24
103	BM Đường lối CM của ĐCSVN	1	C1211	50
104	BM Nguyên lý CN Mac-Lenin	1	C1201	52
105	BM Tư tưởng HCM	1	C1209	48
106	BM Pháp luật	1	C1213	28
107	Ban Thanh tra nhân dân	1	C1202	50

Phòng Cơ sở vật chất

Người lập

Phạm Đức Thiên

Trần Thị Hương